TRƯỜNG CĐ CÔNG NGHỆ THỦ ĐỨC
KHOA: KHOA HỌC CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2021

TIẾN ĐỘ ĐÀO TẠO HỌC KỲ II NĂM HỌC 2019 - 2020 (Bậc Cao đẳng và Trung cấp)

STT	Mã LHP	Tên HP	Tên CBGD	Số Tiết	Số TC	Tháng 3			Tháng 4				Tháng 5					Tháng 6			Tháng 7	
						15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5
						21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	3	10
					Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	47	48
1	**DCC10005301 + DCC10009201**	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2	Lâm Văn Vũ	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**				
5	DCC10013201	Chính trị 2	Nguyễn Quốc Điền	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**THI**	**THI**
6	DCC10022001	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3		**THI**				
7	DCC10022002	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3		**THI**				
8	DCC10022003	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**				
9	DCC10022004	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**				
10	DCC10022005	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3		**THI**				

11	DCC10022006	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3		**THI**				
12	DCC10022007	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**				
13	DCC10022008	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**				
14	DCC10022009	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3		**THI**				
15	DCC10022010	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3		**THI**				
16	DCC10022011	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3		**THI**				
17	DCC10022012	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3		**THI**				
18	DCC10022013	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**				
19	DCC10022014	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**				
20	DCC10022015	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**				
21	DCC10022016	Pháp luật	Nguyễn Quốc Điền	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**				

22	DCC10022017	Pháp luật	Nguyễn Thùy Châu	30	2	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3		**THI**				
23	DCC10022018	Pháp luật	Nguyễn Thùy Châu	30	2	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3		**THI**				
24	DCC10022019	Pháp luật	Huỳnh Thiên Vũ	30	2	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3		**THI**				
25	DCC10022020	Pháp luật	Huỳnh Thiên Vũ	30	2	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3		**THI**				
26	DCC10022021	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3		**THI**				
27	DCC10022022	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3		**THI**				
28	DCC10022023	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	30	2	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3		**THI**				
29	DCC10028001	Giáo dục chính trị	Lưu Thị Thu Hương	75	4	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
30	DCC10028002	Giáo dục chính trị	Lưu Thị Thu Hương	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
31	DCC10028003	Giáo dục chính trị	Đinh Thị Bắc	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
32	DCC10028004	Giáo dục chính trị	Đinh Thị Bắc	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
33	DCC10028005	Giáo dục chính trị	Đinh Thị Bắc	75	4	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**

34	DCC10028006	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
35	DCC10028007	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
36	DCC10028008	Giáo dục chính trị	Trần Cường	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
37	DCC10028009	Giáo dục chính trị	Vũ Thị Thu Huyền	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
38	DCC10028010	Giáo dục chính trị	Vũ Thị Thu Huyền	75	4	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
39	DCC10028011	Giáo dục chính trị	Vũ Thị Thu Huyền	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
40	DCC10028012	Giáo dục chính trị	Trần Thị Kim Oanh	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
41	DCC10028013	Giáo dục chính trị	Trần Thị Kim Oanh	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
42	DCC10028014	Giáo dục chính trị	Trần Thị Kim Oanh	75	4	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
43	**DCC10028015 + DCC10013101**	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
44	DCC10028016	Giáo dục chính trị	Trần Thị Kim Oanh	75	4	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
45	DCC10028017	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
46	DCC10028018	Giáo dục chính trị	Nguyễn Thị Chuẩn	75	4	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**

47	DCC10028019	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	75	4	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
48	DCC10028020	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	75	4	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
49	DCC10028021	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	75	4	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
50	DCC10028022	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	75	4	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
51	DCC10028023	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	75	4	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
52	DCC10028024	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
53	DCC10028025	Giáo dục chính trị	Phạm Ngọc Tường	75	4	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
54	DCC10028026	Giáo dục chính trị	Lưu Thị Thu Hương	75	4	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
55	DCC10028027	Giáo dục chính trị	Lưu Thị Thu Hương	75	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
56	DCC10028028	Giáo dục chính trị	Hoàng Hải Đông	75	4	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
57	DCC10029001	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Quý	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
58	DCC10029002	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Minh Huy	75	3	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**

59	DCC10029003	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Văn Quang	75	3	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
60	DCC10029004	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Văn Quang	75	3	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
61	DCC10029005	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Minh Huy	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
62	DCC10029006	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Minh Huy	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
63	DCC10029007	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Văn Quang	75	3	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
64	DCC10029008	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Văn Quang	75	3	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
65	DCC10029009	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	75	3	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
66	DCC10029010	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	75	3	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
67	**DCC10029011 + DCC10009301**	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	75	3	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
68	DCC10029012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Văn Úy	75	3	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
69	DCC10029013	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Huỳnh Quốc Dũng	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**

70	DCC10029014	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Huỳnh Quốc Dũng	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
71	DCC10029015	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Huỳnh Quốc Dũng	75	3	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
72	DCC10029016	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Huỳnh Quốc Dũng	75	3	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
73	DCC10029017	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Thanh Hà	75	3	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
74	DCC10029018	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Ngô Minh Huy	75	3	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
75	DCC10029019	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Nguyễn Thanh Hà	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
76	DCC10029020	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Trương Xuân Hùng	75	3	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
77	DCC10029021	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Trương Xuân Hùng	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**
78	DCC10029022	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Trương Xuân Hùng	75	3	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
79	DCK10001001	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3		**THI**				
80	DCK10001002	Kỹ năng giao tiếp	Lê Minh Trung	30	2	3	3	3	3	3	3	3		3	3	3		**THI**				

81	DCK10001003	Kỹ năng giao tiếp	Nguyễn Việt Hương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**				
82	DCK10001004	Kỹ năng giao tiếp	Nguyễn Việt Hương	30	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			**THI**				
83	DCK10003101	Giáo dục thể chất 1	Đinh Sang Giàu	30	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	4		
84	DCK10003102	Giáo dục thể chất 1	Đinh Sang Giàu	30	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	4		
85	DCK10003103	Giáo dục thể chất 1	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
86	DCK10003104	Giáo dục thể chất 1	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
87	DCK10003105	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
88	DCK10003106	Giáo dục thể chất 1	Lê Vĩnh Đài	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
89	DCK10003107	Giáo dục thể chất 1	Phan Minh Chí	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
90	DCK10003108	Giáo dục thể chất 1	Phan Minh Chí	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
91	DCK10003109	Giáo dục thể chất 1	Trương Quang Minh	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
92	DCK10003110	Giáo dục thể chất 1	Trương Quang Minh	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		

93	DCK10003201	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	4		
94	DCK10003202	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
95	DCK10003203	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
96	DCK10003204	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
97	DCK10003205	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
98	DCK10003206	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
99	DCK10003207	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
100	DCK10003208	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
101	DCK10003209	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
102	DCK10003210	Giáo dục thể chất 2	Trịnh Quốc Tuấn	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
103	DCK10003211	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	4		
104	DCK10003212	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	4		
105	DCK10003213	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
106	DCK10003214	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		

107	DCK10003215	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
108	DCK10003216	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
109	DCK10003217	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
110	DCK10003218	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
111	DCK10003219	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
112	DCK10003220	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
113	DCK10003221	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	4		
114	DCK10003222	Giáo dục thể chất 2	Lê Minh	30	1	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	4		
115	DCK10003223	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	4		
116	DCK10003224	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	4		
117	DCK10003225	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	4		
118	DCK10003226	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	4		
119	DCK10003227	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		

120	DCK10003228	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
121	DCK10003229	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
122	DCK10003230	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
123	DCK10003231	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
124	DCK10003232	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
125	DCK10003233	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
126	DCK10003234	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
127	DCK10003235	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	4		
128	DCK10003236	Giáo dục thể chất 2	Bùi Trọng Khôi	30	1	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	4		
129	DCK10003237	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
130	DCK10003238	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
131	DCK10003239	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
132	DCK10003240	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		

133	DCK10003241	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
134	DCK10003242	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
135	DCK10003243	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
136	DCK10003244	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
137	DCK10003245	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
138	DCK10003246	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Đức Chánh	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
139	DCK10003247	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	4		
140	DCK10003248	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	4		
141	DCK10003249	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	4		
142	DCK10003250	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	4		
143	DCK10003251	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
144	DCK10003252	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		

145	DCK10003253	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	4		
146	DCK10003254	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	4		
147	DCK10003255	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	4		
148	DCK10003256	Giáo dục thể chất 2	Mai Thế Duy	30	1	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	4		
149	DCK10003257	Giáo dục thể chất 2	Phan Minh Chí	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
150	DCK10003258	Giáo dục thể chất 2	Phan Minh Chí	30	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2		
151	DCK10003259	Giáo dục thể chất 2	Lê Vĩnh Đài	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
152	DCK10003260	Giáo dục thể chất 2	Lê Vĩnh Đài	30	1	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	4		
153	DCK10003261	Giáo dục thể chất 2	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	4		
154	DCK10003262	Giáo dục thể chất 2	Phạm Thị Hồng Lụa	30	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	4		
156	DCK10005201	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1B	Huỳnh Vạng Phước	45	2	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**
159	DCT40003001	Pháp luật	Nguyễn Thị Hà Phương	15	1	3	3	3	3	3								**THI**				

160	DCT40014001	Ngữ văn 1	Võ Thanh Dũ	80	4	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	10	10	**THI**	**THI**
161	DCT40014002	Ngữ văn 1	Võ Thanh Dũ	80	4	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	10	10	**THI**	**THI**
162	DCT40016001	Ngữ văn 3	Đinh Thị Bắc	80	4	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	10	10	**THI**	**THI**
163	DCT40016002	Ngữ văn 3	Đinh Thị Bắc	80	4	6	9	9	9	9	6	6	6	9	8	3					**THI**	**THI**
164	DCT40018001	Toán 1	Trần Trung Hậu	120	6	9	9	9	9	9	9	6	9	9	9	9	9	9	6		**THI**	**THI**
165	DCT40018002	Toán 1	Trần Trung Hậu	120	6	9	9	9	9	9	6	6	6	9	9	9	9	9	9	3	**THI**	**THI**
166	DCT40018003	Toán 1	Trần Trung Hậu	120	6	10	10	10	10	10	10		10	10	10	10	10	10			**THI**	**THI**
167	DCT40019001	Toán 2	Trần Trung Hậu	120	6	10	10	10	10	10	10		10	10	10	10	10	10			**THI**	**THI**
168	DCT40022001	Vật lý 1	Phạm Đình Khải	60	4	5	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5			**THI**	**THI**
169	DCT40022002	Vật lý 1	Phạm Đình Khải	60	4	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5			**THI**	**THI**
171	DCT40024002	Vật lý 3	Phạm Đình Khải	75	4	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5	5	10	**THI**	**THI**
172	DCT40026001	Hóa học 1	Trần Ngọc Dũng	60	3	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5			**THI**	**THI**
173	DCT40026002	Hóa học 1	Trần Ngọc Dũng	60	3	5	5	5	5	5	5		5	5	5	5	5	5			**THI**	**THI**
174	DCT40028001	Hóa học 3	Trần Ngọc Dũng	75	3	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	**THI**	**THI**

176	DCT40030001	Lịch sử 1	Lê Văn Trọng	45	2	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**
177	DCT40032001	Lịch sử 3	Lê Văn Trọng	45	2	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**
178	DCT40033001	Địa lý 1	Nguyễn Việt Hương	45	2	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**
179	DCT40034001	Địa lý 2	Nguyễn Việt Hương	45	2	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3	3	3	3	6	**THI**	**THI**
180	DCT40036001	Giáo dục chính trị	Tô Thanh My	30	2	3	3	3	3	3	3		3	3	3	3					**THI**	**THI**
181	**DCT40037001 + DCK10005101 + DCT40001301**	Giáo dục quốc phòng và an ninh	Lâm Văn Vũ	45	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	**THI**	**THI**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 03 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG **TRƯỞNG PHÒNG QLĐT** **TRƯỞNG KHOA**